

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét.

### Khái quát về Tập đoàn

#### *Công ty mẹ*

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.000.000.000.000 VND

Trong đó:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677

Fax : (84 – 650) 2 220 678

Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

#### Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Số 236, Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Thôn Ngô Yến, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 15-16, Lô B, KPTM Unitown, Đường Trần Quốc Toản, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương.
Chi nhánh 2 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Tại Hải Phòng.	Số 175 đường 359, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện tử, hàng trang trí nội – ngoại thất;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện;
- Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội – ngoại thất công trình;
- Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông).

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9B-CN, Khu công nghiệp Bàu Bàng, Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.	Số 3701545462 điều chỉnh lần 4 ngày 17 tháng 09 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, Đường Lê Hoàn, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp	77,07%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700877200 ngày 13 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Số 3700945605 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương cấp	81,00%

## Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 54).

Trong kỳ, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2014 như sau:

	VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	7.685.298.970
- Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký	700.000.000
- Trích thưởng Ban điều hành	500.000.000
- Chi trả cổ tức (14% vốn điều lệ)	140.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>148.885.298.970</b>

## Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2014	-
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	23 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Lan	Phó Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	23 tháng 4 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Hương Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Trưởng ban	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

***Ban Tổng Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-
Ông Hồ Hoàn Thành	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 5 năm 2014	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo rằng, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

## Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Văn Dành  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0724/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ) gọi chung là Tập đoàn gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 20 tháng 8 năm 2014, từ trang 08 đến trang 54 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
**A & C**



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1



**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.214.985.861.803</b>	<b>3.303.871.471.651</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>36.509.510.421</b>	<b>51.510.909.893</b>
1. Tiền	111		29.987.777.402	34.989.741.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.521.733.019	16.521.168.357
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.769.805.500</b>	<b>4.708.925.100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.193.242.550	8.095.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.423.437.050)	(3.386.845.835)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>781.804.811.639</b>	<b>579.535.646.673</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	734.665.329.119	552.342.929.493
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	34.302.451.100	18.415.330.230
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	18.266.478.055	14.206.833.585
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5.429.446.635)	(5.429.446.635)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.206.134.298.278</b>	<b>2.659.460.508.921</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4.206.170.248.026	2.659.496.458.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.949.748)	(35.949.748)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>186.767.435.965</b>	<b>8.655.481.064</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2.768.430.967	2.980.168.382
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		168.985.839.577	98.658.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	4.646.814.017	460.411.276
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	10.366.351.404	5.116.242.507

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>732.563.064.046</b>	<b>1.094.336.001.409</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>329.172.033.302</b>	<b>709.251.870.595</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	329.172.033.302	709.251.870.595
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>322.055.340.575</b>	<b>300.703.121.530</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	238.617.692.721	215.433.433.725
<i>Nguyên giá</i>	222		348.873.759.943	313.057.364.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(110.256.067.222)	(97.623.930.475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	40.918.596.050	37.572.275.241
<i>Nguyên giá</i>	228		42.996.870.716	38.739.928.125
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.078.274.666)	(1.167.652.884)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	42.519.051.804	47.697.412.564
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.15</b>	<b>1.467.184.255</b>	<b>1.559.848.525</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(942.086.745)	(849.422.475)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54.037.395.257</b>	<b>54.337.395.257</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	17.818.515.627	17.818.515.627
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	36.460.000.000	36.760.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(241.120.370)	(241.120.370)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.260.145.339</b>	<b>26.618.244.188</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	15.589.195.962	20.014.511.023
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	7.142.526.562	5.648.536.340
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	1.528.422.815	955.196.825
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>V.21</b>	<b>1.570.965.317</b>	<b>1.865.521.314</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.947.548.925.848</b>	<b>4.398.207.473.059</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.861.906.375.361</b>	<b>3.150.373.569.647</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.766.083.467.578</b>	<b>3.051.912.170.068</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	386.245.590.371	318.708.182.054
2. Phải trả người bán	312	V.23	2.868.747.870.186	1.380.621.670.757
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	547.488.438.145	296.442.307.202
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	1.260.645.386	52.859.296.334
5. Phải trả người lao động	315	V.26	7.993.855.472	9.752.988.116
6. Chi phí phải trả	316	V.27	710.284.096.328	752.357.462.031
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	238.160.840.314	234.778.470.576
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	5.000.056.515	5.320.146.283
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	902.074.861	1.071.646.715
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>95.822.907.783</b>	<b>98.461.399.579</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		109.989.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	89.563.483.645	92.039.587.643
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		3.025.538.435	2.801.768.663
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32	3.123.896.703	3.600.043.273
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.045.611.189.160</b>	<b>1.205.702.391.491</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.045.611.189.160</b>	<b>1.205.702.391.491</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	8.929.075.019	4.907.875.019
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	28.889.210.043	28.597.935.509
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	13.957.970.572	13.782.928.153
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	(8.006.190.314)	156.572.528.970
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.34</b>	<b>40.031.361.327</b>	<b>42.131.511.921</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.947.548.925.848</b>	<b>4.398.207.473.059</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.224.277	14.224.277
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		-	209,33
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Tuyết Nga  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	744.674.605.813	635.526.131.687
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	153.286.561.672	136.994.967.809
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	591.388.044.141	498.531.163.878
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	520.350.922.566	405.005.242.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.037.121.575	93.525.921.422
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.140.910.682	2.942.662.489
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.937.474.707	23.629.520.712
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.825.109.403	20.742.778.342
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	43.869.904.576	37.224.205.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26.999.547.646	29.508.868.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.628.894.672)	6.105.989.390
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.218.942.651	5.660.958.338
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.529.406.166	229.327.739
13. Lợi nhuận khác	40		8.689.536.485	5.431.630.599
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	194.843.575
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.939.358.187)	11.732.463.564
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	806.161.359	4.347.410.017
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.493.990.222)	(1.008.654.736)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(11.251.529.324)</u>	<u>8.393.708.283</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		189.767.772	(1.094.330.923)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(11.441.297.096)	9.488.039.206
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(114)</u>	<u>95</u>

  
 Nguyễn Thị Tuyết Nga  
 Người lập biểu

  
 Lý Thị Bình  
 Kế toán trưởng

  
 Đoàn Văn Thuận  
 Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.939.358.187)	11.732.463.564
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 15, 21	15.549.118.525	14.430.318.756
- Các khoản dự phòng	03	V.3	(1.963.408.785)	1.575.190.600
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	4.044.773.128	359.390.625
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	(3.651.281.650)	(1.965.668.894)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.825.109.403	20.742.778.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.864.952.434	46.874.472.993
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.251.225.830)	253.295.658.000
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.546.673.789.357)	(283.108.095.177)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.694.675.788.344	321.405.145.037
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.637.052.476	(1.324.804.736)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(23.505.737.382)	(88.220.739.269)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(44.413.535.914)	(35.162.595.433)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.488.290.000	8.322.393.600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.276.222.603)	(18.042.000.440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>56.545.572.169</b>	<b>204.039.434.575</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.125.920.688)	(14.054.579.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	963.636.365	190.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.816.087.000	(449.239.142)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	822.667.754	1.272.612.432
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>176.470.431</b>	<b>(13.040.297.400)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22, 31	316.354.029.992	273.774.700.956
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22, 31	(251.292.725.673)	(414.399.756.647)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28, 33	(136.784.746.390)	(48.945.095.960)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(71.723.442.071)</b>	<b>(189.570.151.651)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(15.001.399.472)</b>	<b>1.428.985.524</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>51.510.909.893</b>	<b>42.571.676.070</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>36.509.510.421</b>	<b>44.000.661.594</b>

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014

  
Nguyễn Thị Tuyết Nga  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

IG  
EM  
IVÀ  
&  
PH

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- Tổng số các công ty con** : 4  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 4
- Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	70,59%	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Đường số 8, khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	77,07%	77,07%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Áp 10, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	81,00%	81,00%

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Danh sách các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc khu liên hợp Công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%

### 7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Tập đoàn có 981 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 978 nhân viên).

### 8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

Trong kỳ Công ty mẹ có nhận chuyển nhượng toàn bộ dây chuyền sản xuất bê tông từ Công ty cổ phần phát triển đô thị. Việc chuyển nhượng bao gồm mua tài sản và nhận toàn bộ nhân viên của bộ phận này phục vụ cho hoạt động sản xuất bê tông của Chi nhánh Công ty kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước.

Ngoài ra, Công ty mẹ còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu đô thị mới thuộc khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương từ Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (Becamex ITC) để triển khai đầu tư dự án Unitown giai đoạn 3 từ năm 2014 đến 2018 và dự án TDC Dragon Hill. Giá trị chuyển nhượng đã thỏa thuận là 5.220.708.600.000 VND.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### **4. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **7. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **15. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **16. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### ***Chi phí thuê văn phòng***

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

#### ***Chi phí khác***

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

### **17. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **18. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### **19. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

### **20. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

## **21. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## **22. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn.

## **23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.085 VND/USD  
30/06/2014: 21.360 VND/USD

### **25. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **26. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **27. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **28. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **29. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **30. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.309.963.361	3.842.927.242
Tiền gửi ngân hàng	25.677.814.041	31.146.814.294
Các khoản tương đương tiền (*)	6.521.733.019	16.521.168.357
<b>Cộng</b>	<b><u>36.509.510.421</u></b>	<b><u>51.510.909.893</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng này.

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Tiền gửi có kì hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm		300.000.000	-	-
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:		4.893.242.550		8.095.770.935
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	7	154.000	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	6	60.000
<b>Cộng</b>		<b><u>5.193.242.550</u></b>		<b><u>8.095.770.935</u></b>

Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) giảm do nhượng bán 190.690 cổ phiếu.

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.386.845.835)	(2.281.647.335)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.575.190.600)
Hoàn nhập dự phòng	1.963.408.785	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(1.423.437.050)</u></b>	<b><u>(3.856.837.935)</u></b>

#### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, sản xuất thành phẩm, xây dựng	371.280.277.986	262.683.246.686
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	363.385.051.133	289.659.682.807
<b>Cộng</b>	<b><u>734.665.329.119</u></b>	<b><u>552.342.929.493</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Unitown của các khách hàng kinh doanh bất động sản ngắn hạn và dài hạn có giá trị 163.000.000.000 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng này.

#### 5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	20.590.012.919	9.003.161.027
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ	12.102.928.781	9.072.370.203
Trả trước các nhà cung cấp khác	1.609.509.400	339.799.000
<b>Cộng</b>	<b><u>34.302.451.100</u></b>	<b><u>18.415.330.230</u></b>

#### 6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	5.202.133.109	7.229.777.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	837.535.754	2.094.941.506
Cổ tức phải thu	4.275.653.015	1.485.653.015
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	616.809.261	616.809.261
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi	1.653.189.245	972.777.790
Tạm ứng tiền vốn hoạt động (Công ty liên doanh TNHH Sinviet)	649.003.039	-
Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza	1.454.099.844	-
Các khoản phải thu khác	3.578.054.788	1.806.874.603
<b>Cộng</b>	<b><u>18.266.478.055</u></b>	<b><u>14.206.833.585</u></b>

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	(188.163.704)	(375.164.712)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	(4.707.152.433)	(4.707.152.433)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(534.130.498)	(347.129.490)
<b>Cộng</b>	<b><u>(5.429.446.635)</u></b>	<b><u>(5.429.446.635)</u></b>

#### 8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	130.722.952
Nguyên liệu, vật liệu	25.001.999.160	20.704.699.591
Công cụ dụng cụ	1.274.028.011	1.258.171.497
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.686.788.057.745	2.088.163.192.666
Thành phẩm	3.511.442.062	4.673.394.521
Hàng hóa	489.585.499.110	544.557.952.352
Hàng gửi đi bán	9.221.938	8.325.090
<b>Cộng</b>	<b><u>4.206.170.248.026</u></b>	<b><u>2.659.496.458.669</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.879.043.088	1.521.072.860
Chi phí khác	889.387.879	1.459.095.522
<b>Cộng</b>	<b><u>2.768.430.967</u></b>	<b><u>2.980.168.382</u></b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	10.356.351.404	5.106.242.507
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.366.351.404</u></b>	<b><u>5.116.242.507</u></b>

### 11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

### 12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	107.443.843.824	93.109.018.071	96.561.122.062	2.799.272.941	13.144.107.302	313.057.364.200
Tăng trong kỳ	5.428.381.713	10.217.198.231	21.989.965.612	38.571.000	-	37.674.116.556
Mua trong kỳ	36.000.000	65.454.546	998.493.091	-	-	1.099.947.637
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	5.392.381.713	10.151.743.685	20.991.472.521	38.571.000	-	36.574.168.919
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.857.720.813)	-	-	(1.857.720.813)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>112.872.225.537</u></b>	<b><u>103.326.216.302</u></b>	<b><u>116.693.366.861</u></b>	<b><u>2.837.843.941</u></b>	<b><u>13.144.107.302</u></b>	<b><u>348.873.759.943</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.954.356.508	487.510.729	4.571.778.896	678.216.922	213.400.289	7.905.263.344
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	22.296.796.247	28.046.811.394	42.954.757.630	1.246.518.356	3.079.046.850	97.623.930.475
Khấu hao trong kỳ	4.242.914.838	4.351.477.830	5.149.575.256	191.408.700	315.899.852	14.251.276.476
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.619.139.729)	-	-	(1.619.139.729)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>26.539.711.085</u></b>	<b><u>32.398.289.224</u></b>	<b><u>46.485.193.157</u></b>	<b><u>1.437.927.056</u></b>	<b><u>3.394.946.702</u></b>	<b><u>110.256.067.222</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	<u>85.147.047.578</u>	<u>65.062.206.677</u>	<u>53.606.364.432</u>	<u>1.552.754.585</u>	<u>10.065.060.453</u>	<u>215.433.433.725</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>86.332.514.453</u></b>	<b><u>70.927.927.078</u></b>	<b><u>70.208.173.704</u></b>	<b><u>1.399.916.885</u></b>	<b><u>9.749.160.601</u></b>	<b><u>238.617.692.721</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	5.183.290.697	-	691.772.088	64.252.000	-	5.939.314.785

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 193.735.584.241 VND và 128.296.881.604 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Dương.

### 13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	38.521.407.382	218.520.743	38.739.928.125
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.256.942.591	-	4.256.942.591
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>42.778.349.973</b>	<b>218.520.743</b>	<b>42.996.870.716</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	26.200.000	26.200.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	982.666.689	184.986.195	1.167.652.884
Khấu hao trong kỳ	901.147.228	9.474.554	910.621.782
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.883.813.917</b>	<b>194.460.749</b>	<b>2.078.274.666</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	37.538.740.693	33.534.548	37.572.275.241
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.894.536.056</b>	<b>24.059.994</b>	<b>40.918.596.050</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua quyền sử dụng đất	32.976.587.546	-	-	-	32.976.587.546
Mua sắm tài sản cố định	7.765.575.245	34.997.053.841	(33.729.787.206)	(200.000.000)	8.832.841.880
XDCB dở dang	6.955.249.773	855.696.909	(7.101.324.304)	-	709.622.378
<b>Cộng</b>	<b>47.697.412.564</b>	<b>35.852.750.750</b>	<b>(40.831.111.510)</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>42.519.051.804</b>

### 15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	2.409.271.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.409.271.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	849.422.475
Khấu hao trong kỳ	92.664.270
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>942.086.745</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.559.848.525
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.467.184.255</u></b>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

### 16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet <sup>(i)</sup>	50,00%	3.418.515.627	50,00%	3.418.515.627
Trường Đại học quốc tế Miền Đông <sup>(ii)</sup>	24,00%	14.400.000.000	24,00%	14.400.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>17.818.515.627</u></b>		<b><u>17.818.515.627</u></b>

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

### 17. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam <sup>(i)</sup>	-	-	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>36.460.000.000</u></b>		<b><u>36.760.000.000</u></b>

(i) Giảm do thu hồi lại vốn đã đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	3.990.983.808	-	(68.311.176)	-	3.922.672.632
Chi phí thuê văn phòng	8.701.130.312	1.351.244.596	(3.262.801.256)	(711.244.098)	6.078.329.554
Công cụ, dụng cụ	152.118.080	-	(152.118.080)	-	-
Chi phí khác	7.170.278.823	415.556.364	(1.968.516.374)	(29.125.037)	5.588.193.776
<b>Cộng</b>	<b>20.014.511.023</b>	<b>1.766.800.960</b>	<b>(5.451.746.886)</b>	<b>(740.369.135)</b>	<b>15.589.195.962</b>

### 19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.648.536.340	4.002.199.135
Số phát sinh	1.493.990.222	1.008.654.736
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.142.526.562</b>	<b>5.010.853.871</b>

### 20. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

### 21. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm	2.945.559.970
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.945.559.970</b>

Số đã phân bổ

Số đầu năm	1.080.038.656
Phân bổ trong kỳ	294.555.997
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.374.594.653</b>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	1.865.521.314
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.570.965.317</b>

### 22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	359.336.540.371	289.303.232.054
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	285.808.264.108	219.917.326.569
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	39.306.399.938	39.089.084.803
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	33.659.376.325	30.296.820.682
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh Bình Dương <sup>(iv)</sup>	562.500.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.31)	26.909.050.000	29.404.950.000
<b>Cộng</b>	<b>386.245.590.371</b>	<b>318.708.182.054</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, kết cấu thủy đài và các công trình xây dựng phụ gắn liền.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được điều chỉnh theo biến động lãi suất của từng thời kỳ, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình.

#### **Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	318.708.182.054	221.470.911.992
Số tiền vay phát sinh	311.983.633.990	233.563.283.826
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.224.000.000	14.200.000.000
Số tiền vay đã trả	(250.670.225.673)	(263.200.017.561)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>386.245.590.371</b>	<b>206.034.178.257</b>

#### **23. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	141.455.684.098	158.162.324.491
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	2.674.936.222.752	1.213.669.813.253
Phải trả các nhà cung cấp khác	52.355.963.336	8.789.533.013
<b>Cộng</b>	<b>2.868.747.870.186</b>	<b>1.380.621.670.757</b>

#### **24. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	245.972.191.326	235.228.175.355
Các khoản người mua trả tiền trước khác	301.516.246.819	61.214.131.847
<b>Cộng</b>	<b>547.488.438.145</b>	<b>296.442.307.202</b>

#### **25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Hoàn trả thuế tạm thu</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa <sup>(*)</sup>	12.142.966.681	3.391.624.950	-	(15.702.460.867)	(167.869.236)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	157.134.806	-	(157.134.806)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	235.715.528	-	(235.715.528)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	40.489.953.295	806.161.359	-	(44.371.727.945)	(3.075.613.291)



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Hoàn trả thuế tạm thu</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	41.807.969	-	-	(41.807.969)	-
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(275.842.887)	864.680.832	(7.813.484)	(906.339.065)	(325.314.604)
Các loại thuế khác	-	1.144.886.080	-	(1.018.373.080)	126.513.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	143.120.000	-	(87.004.500)	56.115.500
<b>Cộng</b>	<b><u>52.398.885.058</u></b>	<b><u>6.743.323.555</u></b>	<b><u>(7.813.484)</u></b>	<b><u>(62.520.563.760)</u></b>	<b><u>(3.386.168.631)</u></b>

(\*) Trong đó, các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước, bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp thừa của Công ty mẹ với số tiền lần lượt là 582.485.935 VND, 3.634.484.896 VND và 417.263.833 VND.
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân với số tiền 12.579.353 VND.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	57.089.995
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	224.865.108
- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	110.994.336
- Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	413.211.920
<b>Cộng</b>	<b><u>806.161.359</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản***

Các công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

### ***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

### **26. Phải trả người lao động**

Tiền lương, thưởng và tiền phép năm còn phải trả cho nhân viên.

### **27. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	1.680.627.979
Trích trước chi phí hoa hồng	14.581.818	3.185.221.608
Lãi cổ tức trả chậm	11.918.578.579	9.080.794.800
Trích trước chi phí công trình	698.175.612.230	736.673.209.135
Chi phí khác	175.323.701	1.737.608.509
<b>Cộng</b>	<b><u>710.284.096.328</u></b>	<b><u>752.357.462.031</u></b>

### **28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.069.351.572	707.038.576
Cổ tức phải trả	203.655.390.802	200.440.137.192
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	23.673.452.313	24.831.684.749
Tiền mua cổ phần	3.010.245.948	5.010.245.948
Hoa hồng môi giới	125.320.000	135.050.763
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	50.000.000	50.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	852.163.743	923.718.008
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.724.915.936	2.680.595.340
<b>Cộng</b>	<b><u>238.160.840.314</u></b>	<b><u>234.778.470.576</u></b>

### **29. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.320.146.283	10.961.941.487
Tăng do trích lập trong kỳ	98.704.591	1.948.911.525
Tăng khác (chuyển từ dài hạn sang)	168.509.045	-
Số đã sử dụng	(24.915.006)	(442.699.365)
Hoàn nhập trong kỳ	(562.388.398)	(3.341.358.380)
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(142.405.560)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.000.056.515</u></b>	<b><u>8.984.389.707</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	(972.777.790)	6.287.971.885	-	(8.014.126.380)	(1.653.189.245)
Quỹ phúc lợi	561.664.604	2.151.058.491	100.000.000	(1.190.448.500)	576.531.555
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	509.982.111	1.381.513.702	-	(1.565.952.507)	325.543.306
<b>Cộng</b>	<b>98.868.925</b>	<b>9.820.544.078</b>	<b>100.000.000</b>	<b>(10.770.527.387)</b>	<b>(751.114.384)</b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt tại các công ty con được trình bày ở chi tiêu Các khoản phải thu khác với tổng số tiền là 1.653.189.245 VND (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 972.777.790 VND) (xem thuyết minh số V.6).

### 31. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	56.762.983.645	57.777.587.643
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	30.714.000.000	30.714.000.000
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	1.712.000.000	3.548.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước <sup>(iv)</sup>	374.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>89.563.483.645</b>	<b>92.039.587.643</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Unitown có giá trị 163.000.000.000 VND và một số tài sản cố định.

(ii) Bao gồm:

- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để xây dựng dự án nhà máy sản xuất cửa nhựa lõi thép với lãi suất 13%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất sản xuất gạch đất sét và nâng công suất khai thác đất sét. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gồm nhà xưởng, văn phòng, công trình xây dựng phụ gắn liền thuộc khuôn viên nhà máy và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất gạch, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng và quyền khai thác tài nguyên (sét gạch ngói) với diện tích 17,2 ha.

(iii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 xe bơm bê tông nhãn hiệu Hyundai thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để mua sắm xe ô tô tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng số 01/2014/2469083/HĐBĐ ngày 29 tháng 5 năm 2014.

### ***Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn***

Dưới 01 năm	26.909.050.000
Trên 01 năm đến 05 năm	89.563.483.645
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>116.472.533.645</u></b>

### ***Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn***

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	92.039.587.643	222.712.839.848
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	4.370.396.002	40.211.417.130
Số đã trả trong kỳ	(622.500.000)	(151.199.739.086)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(6.224.000.000)	(14.200.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>89.563.483.645</u></b>	<b><u>97.524.517.892</u></b>

### **32. Doanh thu chưa thực hiện**

Lãi bán nhà trả góp.

### **33. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### ***Cổ tức***

Trong kỳ, Tập đoàn đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 136.784.746.390 VND (cùng kỳ năm trước là 48.945.095.960 VND).

#### ***Cổ phiếu***

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	42.131.511.921	42.608.221.540
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	189.767.773	(1.094.330.923)
Lỗi thanh lý Công ty Tân Thành Mỹ	-	(148.307.091)
Cổ tức đã trả	(1.658.225.458)	-
Tặng / (Giảm) khác	(631.692.909)	52.377.352
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>40.031.361.327</u></b>	<b><u>41.417.960.878</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	744.674.605.813	635.526.131.687
- Doanh thu bán hàng hóa	35.485.949.313	88.458.081.182
- Doanh thu bán thành phẩm	230.231.935.154	172.557.651.310
- Doanh thu xây dựng, kinh doanh bất động sản	474.378.884.400	371.461.986.954
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.577.836.946	3.048.412.241
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(153.286.561.672)	(136.994.967.809)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>591.388.044.141</u></b>	<b><u>498.531.163.878</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	35.413.593.951	88.458.081.182
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	230.231.935.154	172.529.806.744
- Doanh thu thuần xây dựng, kinh doanh bất động sản	321.164.678.090	234.494.863.711
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.577.836.946	3.048.412.241

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	31.993.059.910	83.233.291.978
Giá vốn bán thành phẩm	189.132.213.390	140.120.483.730
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	295.457.471.646	181.302.587.768
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.768.177.620	348.878.980
<b>Cộng</b>	<b><u>520.350.922.566</u></b>	<b><u>405.005.242.456</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	129.639.584	443.389.488
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	224.566.548	50.196.143
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.006.881.600	1.740.061.651
Lãi bán hàng trả chậm	476.146.570	549.683.312
Doanh thu tài chính khác	303.676.380	159.331.895
<b>Cộng</b>	<b>4.140.910.682</b>	<b>2.942.662.489</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.825.109.403	20.742.778.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	336.302.630	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.044.773.128	359.390.625
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	570.411.889
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.963.408.785)	1.575.190.600
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	686.441.385	-
Chi phí khác	8.256.946	381.749.256
<b>Cộng</b>	<b>24.937.474.707</b>	<b>23.629.520.712</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.374.090.178	10.297.799.207
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	473.552.072	487.273.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.094.961.705	1.761.632.387
Chi phí hoa hồng môi giới	4.226.447.252	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.121.670.745	5.694.733.410
Chi phí khác	20.579.182.624	18.982.767.190
<b>Cộng</b>	<b>43.869.904.576</b>	<b>37.224.205.512</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.504.781.033	14.629.602.819
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.215.515.711	770.130.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.362.892.111	2.531.942.586
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.462.521.274	1.767.427.058
Chi phí khác	8.450.837.517	9.806.765.179
<b>Cộng</b>	<b>26.999.547.646</b>	<b>29.508.868.297</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	963.636.365	190.909.091
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	74.825.544	789.114.479
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	417.239.624	3.341.358.380
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.897.753.373	773.234.708
Thu tiền bán phế liệu	15.519.091	17.674.091
Thu nhập khác	849.968.654	548.667.589
<b>Cộng</b>	<b>10.218.942.651</b>	<b>5.660.958.338</b>

### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	238.581.084	33.123.022
Chi phí khác	1.290.825.082	196.204.717
<b>Cộng</b>	<b>1.529.406.166</b>	<b>229.327.739</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	(11.441.297.096)	9.488.039.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(11.441.297.096)	9.488.039.206
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	100.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(114)</b>	<b>95</b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.597.123.646	158.645.479.250
Chi phí nhân công	54.907.859.647	59.440.664.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.549.118.525	14.135.762.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.391.169.873	18.904.166.501
Chi phí khác	59.637.642.664	183.811.653.145
<b>Cộng</b>	<b>354.082.914.355</b>	<b>434.937.726.364</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	665.000.000	630.000.000
Tiền thưởng	315.000.000	236.000.000
<b>Cộng</b>	<b>980.000.000</b>	<b>866.000.000</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP)	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	140.436.288.592	30.809.998.847
Cổ tức phải trả	84.980.700.000	78.910.650.000
Bán gạch	461.322.000	93.025.000
Thu hộ tiền bán đất	612.000.000	-
Phí thuê đất	41.036.266	-
Thi công công trình	19.613.940.857	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i></b>		
Bán gạch	75.468.000	26.910.000
<b><i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i></b>		
Mua đất sét	1.110.256.316	-
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	3.305.454	1.917.806.269
Mua tài sản	29.787.743.685	-
<b><i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i></b>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	8.974.573.736	3.064.484.112
Cổ tức được chia	-	286.045.500
Cung cấp dịch vụ	363.901.739	-
<b><i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i></b>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	1.210.688.416	580.069.998
Mua nguyên vật liệu	1.536.143.947	-
<b><i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i></b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	17.000.000.000
Mua dịch vụ	1.183.600	-
Xây dựng công trình	68.261.454.000	-
Cung cấp dịch vụ	66.018.183	-
Cổ tức được chia	2.720.000.000	-
<b><i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i></b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	31.500.000.000
<b><i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i></b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	433.709.000
Mua nguyên vật liệu	6.049.161.734	-
<b><i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i></b>		
Mua nước tinh khiết	38.790.000	9.348.000
<b><i>Công ty cổ phần dược Becamex</i></b>		
Mua đất nền	23.374.500	-
Cổ tức được chia	71.400.000	-
<b><i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i></b>		
Mua đá	516.566.864	183.416.500
Mượn tiền	500.000.000	-
Bán xi măng thành phẩm	-	15.904.212.914
<b><i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i></b>		
Mua bất động sản	1.630.088.595.645	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	507.454.200	258.692.500
Xây dựng công trình	23.520.035.343	15.991.366.700
Bán bất động sản	51.984.067.156	79.975.491.156
<b>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	13.556.936.511	7.584.503.483
<b>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	13.662.000	172.430.500
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	1.025.442.155	97.384.000
<b>Công ty cổ phần phát triển đô thị</b>		
Bán thành phẩm	2.985.219.200	5.056.245.504
<b>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Phải trả thuê căn hộ	-	50.760.000
Phải thu thi công xây dựng công trình	123.380.000	-
Cổ tức phải thu	2.720.000.000	-
<b>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore</b>		
Xây dựng công trình	3.278.276.802	3.278.276.802
<b>Công ty cổ phần dược Becamex</b>		
Cho thuê căn hộ	-	198.000.000
Cổ tức phải thu	71.400.000	-
<b>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</b>		
Xây dựng công trình	59.052.623.418	65.052.623.418
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>158.838.496.785</u></b>	<b><u>180.181.173.853</u></b>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Thu hộ tiền bán đất	672.147.938.857	891.535.938.857
Phải trả tiền thuê đất và phí quản lý	5.517.947.379	3.574.687.034
Cổ tức phải trả	200.311.650.000	200.311.650.000
Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chi	-	9.080.794.800
Ứng trước tiền xây dựng công trình	285.671.955.743	23.382.740.069
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	1.921.029.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i></b>		
Phải trả tiền mua cổ phần	3.010.245.948	5.010.245.948
Mua nguyên vật liệu	1.221.281.946	-
Mua tài sản	32.766.518.054	-
<b><i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	6.160.000	8.052.000
<b><i>Công ty cổ phần dược Becamex</i></b>		
Ứng trước thi công công trình	5.802.000.000	6.000.000.000
Mua đất nền	92.454.639.550	138.561.138.550
<b><i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i></b>		
Phải trả tiền mua bất động sản	1.791.168.482.217	-
<b><i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	4.947.911.784	2.230.432.500
<b><i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	1.146.802.750	346.976.740
<b><i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i></b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	23.771.899.850
<b><i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i></b>		
Phải trả tiền mua đá	568.223.550	775.188.000
Phải trả tiền mượn	500.000.000	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>3.097.241.757.778</u></b>	<b><u>1.306.510.773.348</u></b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

### ***Lĩnh vực kinh doanh***

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ tư vấn,...
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng, vật liệu xây dựng,...
- Lĩnh vực xây dựng kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

### ***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Các khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất chủ yếu là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng Tập đoàn nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Tập đoàn yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.509.510.421	-	-	36.509.510.421
Phải thu khách hàng	1.053.075.547.064	2.684.648.170	8.077.167.187	1.063.837.362.421
Các khoản phải thu khác	11.129.954.927	-	-	11.129.954.927
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.120.060.000	-	19.533.182.550	41.653.242.550
<b>Cộng</b>	<b>1.122.835.072.412</b>	<b>2.684.648.170</b>	<b>27.610.349.737</b>	<b>1.153.130.070.319</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.510.909.893	-	-	51.510.909.893
Phải thu khách hàng	1.256.165.353.453	-	5.429.446.635	1.261.594.800.088
Các khoản phải thu khác	4.874.533.704	-	-	4.874.533.704
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.120.060.000	-	22.735.710.935	44.855.770.935
<b>Cộng</b>	<b>1.334.670.857.050</b>	<b>-</b>	<b>28.165.157.570</b>	<b>1.362.836.014.620</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ	386.245.590.371	89.563.483.645	475.809.074.016
Phải trả người bán	2.868.747.870.186	-	2.868.747.870.186
Các khoản phải trả khác	946.523.421.327	109.989.000	946.633.410.327
<b>Cộng</b>	<b>4.201.516.881.884</b>	<b>89.673.472.645</b>	<b>4.291.190.354.529</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	318.708.182.054	92.039.587.643	410.747.769.697
Phải trả người bán	1.380.621.670.757	-	1.380.621.670.757
Các khoản phải trả khác	990.825.322.306	2.821.768.663	993.647.090.969
<b>Cộng</b>	<b>2.690.155.175.117</b>	<b>94.861.356.306</b>	<b>2.785.016.531.423</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn mua một số dịch vụ với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	209,33
Phải trả người bán	(1.437.562,50)	(1.437.562,50)
Các khoản phải trả khác	(13.075.720,00)	(13.075.720,00)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc USD</b>	<b><u>(14.513.283,50)</u></b>	<b><u>(14.513.073,17)</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.200.074.284 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 6.120.251.230 VND).

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 462.809.074.016 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 362.524.986.919 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.256.181.480 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 6.071.173.923 VND).

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### *Tài sản đảm bảo*

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza	26.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	137.000.000.000	137.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>166.000.000.000</u></b>	<b><u>166.000.000.000</u></b>

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Tập đoàn không có tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	475.809.074.016	410.747.769.697	475.809.074.016	410.747.769.697
Phải trả người bán	2.868.747.870.186	1.380.621.670.757	2.868.747.870.186	1.380.621.670.757
Các khoản phải trả khác	946.633.410.327	993.647.090.969	946.633.410.327	993.647.090.969
<b>Cộng</b>	<b><u>4.291.190.354.529</u></b>	<b><u>2.785.016.531.423</u></b>	<b><u>4.291.190.354.529</u></b>	<b><u>2.785.016.531.423</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014

  
Nguyễn Thị Tuyết Nga  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

1807  
IG T  
EM HỮ  
I VÀ T  
& C  
PHỐ



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.793.855.523	28.435.349.121	13.620.341.765	154.743.680.703	1.203.434.350.952
Lợi nhuận trong năm trước phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	144.953.087.954	144.953.087.954
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	114.019.496	162.586.388	162.586.388	(12.422.754.415)	(11.983.562.143)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
	-	-	-	-	-	(701.485.273)	(701.485.273)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.907.875.019</b>	<b>28.597.935.509</b>	<b>13.782.928.153</b>	<b>156.572.528.969</b>	<b>1.205.702.391.490</b>
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.907.875.019	28.597.935.509	13.782.928.153	156.572.528.969	1.205.702.391.490
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(11.441.297.096)	(11.441.297.096)
Phân phối các quỹ	-	-	-	291.274.534	175.042.419	(10.286.861.031)	(9.820.544.078)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Tăng vốn trong kỳ	-	-	4.021.200.000	-	-	-	4.021.200.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.850.561.156)	(2.850.561.156)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>8.929.075.019</b>	<b>28.889.210.043</b>	<b>13.957.970.572</b>	<b>(8.006.190.314)</b>	<b>1.045.611.189.160</b>



Nguyễn Thị Tuyết Nga  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	39.991.430.897	230.231.935.154	321.164.678.090	-	591.388.044.141
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>39.991.430.897</b>	<b>230.231.935.154</b>	<b>321.164.678.090</b>	<b>-</b>	<b>591.388.044.141</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	244.145.584	23.982.817.388	2.940.254.027	-	27.167.216.999
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.999.547.646)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					167.669.353
Doanh thu hoạt động tài chính					4.140.910.682
Chi phí tài chính					(24.937.474.707)
Thu nhập khác					10.218.942.651
Chi phí khác					(1.529.406.166)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(806.161.359)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.493.990.222
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>(11.251.529.324)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>36.732.563.331</b>	<b>3.991.492.323</b>	<b>-</b>	<b>40.724.055.654</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>347.875.381</b>	<b>13.666.482.974</b>	<b>6.691.951.059</b>	<b>-</b>	<b>20.706.309.414</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	91.506.493.423	172.529.806.744	234.494.863.711	-	498.531.163.878
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>91.506.493.423</b>	<b>172.529.806.744</b>	<b>234.494.863.711</b>	<b>-</b>	<b>498.531.163.878</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.483.996.967	20.118.682.642	32.895.034.221	-	56.497.713.830
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(29.704.866.217)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					26.792.847.613
Doanh thu hoạt động tài chính					2.942.662.489
Chi phí tài chính					(23.629.520.712)
Thu nhập khác					5.660.958.338
Chi phí khác					(229.327.739)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					194.843.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.347.410.017)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.008.654.736
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>8.393.708.283</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>4.919.906.242</b>	<b>15.166.751.227</b>	<b>-</b>	<b>20.086.657.469</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>935.966.045</b>	<b>12.554.003.392</b>	<b>4.252.116.342</b>	<b>-</b>	<b>17.742.085.779</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	119.405.384.815	525.960.262.485	4.998.379.335.752	-	5.643.744.983.052
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					303.803.942.797
<b>Tổng tài sản</b>					<b>5.947.548.925.849</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	311.195.187.158	192.370.204.692	3.774.975.138.063	-	4.278.540.529.913
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					583.365.845.448
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>4.861.906.375.361</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	147.519.495.047	420.378.569.682	3.684.999.050.318	-	4.252.897.115.047
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					145.310.358.012
<b>Tổng tài sản</b>					<b>4.398.207.473.059</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	63.471.427.662	178.262.180.669	1.552.748.154.419	-	1.794.481.762.750
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.355.891.806.897
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>3.150.373.569.647</b>



Nguyễn Thị Tuyết Nga  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Phụ lục 3: Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.509.510.421	-	51.510.909.893	-	36.509.510.421	51.510.909.893
Phải thu khách hàng	1.063.837.362.421	(5.429.446.635)	1.261.594.800.088	(5.429.446.635)	991.374.057.752	752.635.957.890
Các khoản phải thu khác	11.129.954.927	-	4.874.533.704	-	11.129.954.927	4.874.533.704
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	41.653.242.550	(1.664.557.420)	44.855.770.935	(3.627.966.205)	39.988.685.130	41.227.804.730
<b>Cộng</b>	<b>1.153.130.070.319</b>	<b>(7.094.004.055)</b>	<b>1.362.836.014.620</b>	<b>(9.057.412.840)</b>	<b>1.079.002.208.230</b>	<b>850.249.206.217</b>




Nguyễn Thị Tuyết Nga  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2014



Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc